

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẠM TÁU
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày 06-3-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẠM TÁU, TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Phương Thảo;
- Ông Lò Văn Quỳnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Lò Thị Minh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu tham gia phiên toà:
Ông Chu Huy Ánh- Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái. Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2025/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 02 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Hờ A T1, sinh ngày 25-10-1989 tại xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hờ A L và bà Thào Thị V; có vợ là Giàng Thị C và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 18-6-2018 bị Công an huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc, bằng hình thức phạt tiền (bị cáo đã chấp hành xong); bị tạm giữ từ ngày 07-9-2024, bị tạm giam từ ngày 13-9-2024; “có mặt”.

2. Giàng Thị C, sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 tại xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A C1 và bà Thào Thị L1; có chồng là Hờ A T1 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị tạm giữ từ ngày 07-9-2024, bị tạm giam từ ngày 16-9-2024; “có mặt”.

3. Giàng A D, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1967 tại xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái. Nơi cư trú: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D1 và bà Phàng Thị N; có vợ là Sùng Thị T và có 07 con (lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 2008); tiền án 01, bị Tòa án nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 27-5-2022; đến ngày 04-9-2023 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không; nhân thân ngày 24-10-2019 bị Công an huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 07-9-2024, bị tạm giam từ ngày 16-9-2024; “có mặt”.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Đinh Gia H- Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Y; “có mặt”.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Chị Sùng Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn K, xã B, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

+ Anh Hờ A Đ, sinh ngày 06-10-2011, địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; “vắng mặt”.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hờ A Đ: Bà Thảo Thị V, sinh năm 1967; địa chỉ thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”

- *Người tham gia tố tụng khác:* Người phiên dịch tiếng Mông ông Hờ A S; địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện T, tỉnh Yên Bái; “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 05-9-2024 trên đường tỉnh lộ 174 tại đoạn đường rẽ lên trường mầm non H3 thuộc thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Bị cáo T1 gặp một người đàn ông dân tộc Mông không quen biết đi xe máy, đeo khẩu trang màu đen và đội mũ bảo hiểm có cằm. Qua nói chuyện T1 đã mua của ông này một gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh với giá 2.000.000 đồng. Sau khi mua được Heroine T1 về nhà rồi đi vào buồng ngủ lấy gói Heroine vừa mua được ra chia thành 07 gói nhỏ, sau đó cất giấu 04 gói trong hộp nhựa màu xanh để trên nắp hòm gỗ trong buồng ngủ, 01 gói giấu trong lỗ viên gạch ở cửa sổ, 02 gói còn lại giấu trong lỗ viên gạch trong nhà bếp. Sau khi cất giấu xong Heroine, T1 nói với Giàng Thị C là T1 lấy 2.000.000 đồng tiền bán trâu mua được một ít Heroine, để sử dụng và ai mua thì bán, C nói đó là việc của T1, C không biết. Hờ A T1 sau đó hai lần lấy một ít heroine trong số 04 gói Heroine trong hộp nhựa màu xanh để trên nắp hòm gỗ trong buồng ngủ ra sử dụng.

Đến khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 06-9-2024, khi Giàng Thị C đang ở nhà

thì có Giàng A D đến gặp và hỏi mua Heroine thì được C cho biết đợi T1 về hỏi xem có không. Một lúc sau thấy T1 đi làm về, D hỏi mua 1.500.000 đồng Heroine, T1 đồng ý bán và đi vào trong buồng ngủ, lúc này Giàng Thị C đang ngồi ở giường trong buồng ngủ nói với T1 về việc D hỏi mua Heroine, sau đó T1 mở hộp nhựa màu xanh để trên nắp hòm gỗ trong buồng ngủ bên trong có 04 gói Heroine và nói với Giàng Thị C là D hỏi mua 1.500.000 đồng Heroine T1 lấy 03 gói Heroine bán cho D, C nói “Anh bán thì bán”. Sau đó T1 lấy 03 gói Heroine được gói bằng nilon màu xanh trong hộp nhựa ra đưa cho D tại trước cửa buồng ngủ. D cầm 03 gói Heroin và đưa cho T1 số tiền 1.500.000 đồng, T1 cầm tiền đưa cho C và nói là tiền D mua Heroine, Giàng Thị C đã cất giấu số tiền này vào chiếc túi đang đeo trên người.

Giàng A D lấy mảnh nilon màu đen gói 03 gói Heroine lại và đi vào buồng ngủ nhờ Giàng Thị C lấy một sợi chỉ màu đen buộc 03 gói Heroin lại cho D, sau khi buộc xong C đưa cho D nhưng do buộc chưa chặt nên D nhờ T1 lấy sợi chỉ màu đen này buộc lại 03 gói Heroine. Sau đó D cất giấu 03 gói Heroine trong túi vải đeo trên người rồi đi về.

Khoảng 20 giờ cùng ngày khi Giàng A D đang trên đường về thì bị tổ công tác Công an huyện T phát hiện bắt quả tang; thu giữ bên trong chiếc túi vải Giàng A D đang đeo trên người bên trong có 01 gói nilon màu đen bên ngoài gói nilon được quấn bằng sợi chỉ màu đen, bên trong có 03 gói nilon màu xanh có chứa Heroine, Giàng A D khai số Heroine bị thu giữ là do D mua của Giàng Thị C nhà ở thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái mục đích để sử dụng cho bản thân; ngoài ra Công an còn thu giữ 01 ví giả da màu đen bên trong có số tiền 1.625.000 đồng; 01 xe mô tô, màu sơn đen, biển kiểm soát 21K1-573.61 đã cũ; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu VIVO, đã cũ.

Ngày 06-9-2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Giàng Thị C, thu giữ trên người Giàng Thị C số tiền 4.900.000 đồng; ngày 07-9-2024 Cơ quan Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng Thị C tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, phát hiện thu giữ trong buồng ngủ của vợ chồng T1 và C 01 gói Heroin được gói bằng nilon màu xanh trong hộp nhựa màu xanh để trên nắp hòm gỗ trong buồng ngủ, thu giữ trong lỗ viên gạch ở cửa sổ 01 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu đen, thu giữ ở trong lỗ viên gạch trong nhà bếp 02 gói Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu đen; thu giữ trong hộp cát tông trong bếp số tiền 1.050.000 đồng.

Kết luận giám định số: 537/KL-KTHS ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Y, kết luận:

- Chất bột nén màu trắng trong phong bì niêm phong thứ nhất thu giữ khi bắt quả tang Giàng A D có tổng khối lượng là 4,8 gam. 0,1 gam trích từ 4,8 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

- Chất bột nén màu trắng trong phong bì niêm phong thứ hai và thứ ba thu giữ khi khám xét chỗ ở của Giàng Thị C có tổng khối lượng là 1,9 gam. 0,18 gam

trích từ 1,9 gam chất bột nén màu trắng gửi giám định là ma túy; loại Heroine.

Heroine (H), có tên khoa học là D2, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định các danh mục ma túy và tiền chất.

Kết luận giám định số: 539/KL-KTHS ngày 19-9-2024 của Phòng K1 Công an tỉnh Y kết luận: Toàn bộ số tiền 1.625.000 đồng thu giữ của Giàng A D; 4.900.000 đồng thu giữ của Giàng Thị C và 1.050.000 đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của Giàng Thị C gửi giám định đều là tiền thật.

Cáo trạng số: 01/CT-VKS-TT ngày 21-01-2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trạm Tấu, tỉnh Yên Bái đã truy tố: Hồ A T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, Giàng Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, Giàng A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T1 khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy bị cáo đã thực hiện. Theo bị cáo việc mua ma túy về nhà chia thành các gói nhỏ sau đó cất giấu ở các nơi khác nhau thì Giàng Thị C không biết, sau khi cất giấu xong ma túy bị cáo mới nói với vợ là bị cáo lấy 2.000.000 đồng từ tiền bán trâu mua được một ít Heroine để sử dụng và ai mua thì bán; ngày 06-9-2024 Giàng Thị C có nói với bị cáo về việc Giàng A D hỏi mua Heroine, sau đó bị cáo có nói với Giàng Thị C là D hỏi mua 1.500.000 đồng Heroine, bị cáo lấy 03 gói Heroine bán cho ông D, C nói “Anh bán thì bán”, sau khi bán ma túy bị cáo đã đưa số tiền 1.500.000 đồng cho Giàng Thị C cất giữ. Đối với số tiền 1.050.000 đồng Công an thu giữ, số tiền này của Hồ A Đ được nhà trường chi trả chế độ học bổng nội trú, đề nghị trả lại Hồ A Đ số tiền này; do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Giàng Thị C khai: Ngày 05-9-2025 Hồ A T1 có nói với bị cáo vừa lấy 2.000.000 đồng tiền bán trâu để mua Heroine về để sử dụng và ai mua thì bán, việc Hồ A T1 mua bao nhiêu Heroine sau chia nhỏ và cất giấu ở đâu thì bị cáo không biết. Ngày 06-9-2024 Giàng A D có đến hỏi mua ma túy do không có Heroine nên bị cáo đã bảo D là chờ Hồ A T1 về hỏi xem có không, khi T1 đi làm về bị cáo đã nói lại với T1 về việc D hỏi mua Heroine, sau đó T1 lấy 03 gói Heroine để trên nắp hòm bán cho D, bị cáo có nhìn thấy vì lúc này bị cáo đang ngồi ở giường ngủ, sau khi bán Heroine cho D, T1 đã đưa 1.500.000 đồng tiền bán Heroine cho bị cáo cất; sau đó bị cáo đã lấy sợi chỉ màu đen buộc 03 gói Heroine lại giúp Giàng A D. Đối với số tiền 4.900.000 đồng Công an thu giữ khi bắt bị cáo, trong số tiền này có 1.500.000 đồng là tiền T1 bán ma túy đưa cho bị cáo, số tiền còn lại là của gia đình bị cáo không liên quan đến việc bị cáo phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo số tiền này; do gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo Giàng A D khai nhận việc bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; đối với chiếc điện thoại màu đen nhãn hiệu

Vivo và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1-573.61, Công an thu giữ khi bắt bị cáo. Chiếc điện thoại là của vợ bị cáo, chiếc xe máy là tài sản chung của vợ chồng bị cáo, việc bị cáo lấy điện thoại và xe sử dụng vợ bị cáo không biết; chiếc xe và chiếc điện thoại đã được cơ quan điều tra trả lại vợ bị cáo; đối với số tiền 1.625.000 đồng bị thu giữ, số tiền này là do gia đình bị cáo bán thóc, bán ngô có được đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho vợ bị cáo số tiền này. Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bị cáo.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ A Đ, bà Thào Thị V trình bày: Bà là bà nội của Hồ A Đ, do bố mẹ cháu Đ đều bị bắt về tội ma túy, các anh, chị của cháu Đ đều dưới 18 ổi nên bà là người đại diện hợp pháp của cháu Đ. Bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cháu Đ số tiền 1.050.000 đồng Công an thu giữ, vì số tiền này của cháu Đ được nhà trường chi trả chế độ học bổng nội trú, không liên quan gì đến hành vi phạm tội của bố mẹ cháu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Sùng Thị T trình bày: Đối với chiếc điện thoại màn hình cảm ứng, màu đen nhãn hiệu Vivo; chiếc xe mô tô biển kiểm soát 21K1-573.61 và số tiền 1.625.000 đồng Công an thu giữ khi bắt qua tang Giàng A D. Chiếc điện thoại là của chị, chiếc xe mô tô là tài sản chung của vợ chồng giữa chị và bị cáo D, việc Giàng A D mang đi sử dụng chị không biết, đối với số tiền 1.625.000 đồng là tiền gia đình bán thóc, bán ngô có được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chị số tiền 1.625.000 đồng; chiếc xe mô tô và chiếc điện thoại chị đã được cơ quan điều tra trả lại cho nên không có ý kiến gì.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử yên bố các bị cáo: T1, Giàng Thị C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”; Giàng A D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, 38 Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T1 từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị C từ 05 năm 03 tháng đến 05 năm 09 tháng tù.

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A D từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo gia đình thuộc diện hộ nghèo, đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng như sau:

- Tịch thu và tiêu hủy: 6,42 gam Heroine được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng K1 Công an tỉnh Y phát hành; 01 hộp nhựa màu xanh; 01 túi vải màu đen có dây đeo; 01 ví giả da màu đen; 06 vỏ phong bì sau khi đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng; trả lại bị cáo Giàng Thị C số tiền 3.400.000 đồng; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ A Đ số tiền 1.050.000 đồng; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng Thị T số tiền 1.625.000 đồng. Số tiền tịch thu và số tiền trả lại được niêm phong trong 03 phong bì do Phòng K1 Công an tỉnh Y phát hành.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì.

Người bào chữa cho các bị cáo trình bày lời bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có hoàn cảnh kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, các bị cáo Giàng Thị C, Giàng A D không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, bị cáo Giàng A D đã tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Từ những phân tích trên người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T1 từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị C 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù; áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 50 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng A D từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho các bị cáo; về xử lý vật chứng nhất trí như đề nghị của Kiểm sát viên.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không bổ sung thêm lời bào chữa của người bào chữa, không tranh luận với Kiểm sát viên; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận gì, bổ sung gì.

- Ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên: Tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm trong vụ án, y nhiên đối với trường hợp bị cáo Giàng A D thì sau khi bị cáo bị bắt tạm giam và được cơ quan Điều tra hỏi bị cáo mới khai, lời khai còn mang tính thụ động nên chưa thể hiện được tính tích cực của bị cáo trong việc phát hiện tội phạm. Vì vậy Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố.

- Ý kiến tránh luận của Người bào chữa: Trong cả quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo, riêng bị cáo D ngay sau khi bị bắt giữ bị cáo đã khai nhanh ra hành vi phạm tội của bị cáo T1 và bị cáo C nên đề nghị HĐXX áp dụng thêm điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài các ý kiến tranh luận trên, kiểm sát viên, Người bào chữa không có ý kiến tranh luận đối đáp bổ sung gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, đề bị cáo sớm được về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Trầm Thủy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ A Đ vắng mặt. Sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không gây trở ngại cho việc xét xử Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại các Điều 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp biên bản phạm tội quả tang, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Ngày 06-9-2024, tại nơi ở của T1, Giàng Thị C, địa chỉ thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Các bị cáo T1, Giàng Thị C đã có hành vi bán trái phép 4,8 gam Heroine cho bị cáo Giàng A D với giá 1.500.000 đồng. Bị cáo Giàng A D sau khi mua được Heroine trên đường từ thôn T, xã X về thôn K, xã B thì bị tổ công tác Công an huyện T, tỉnh Yên Bái phát hiện bắt quả tang, thu giữ trong túi vải D đang đeo trên người bên trong có 4,8 gam Heroine được gói trong 03 gói nilon màu xanh, số tiền 1.625.000 đồng và một tài sản, đồ vật khác có liên quan.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T tiến hành giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Giàng Thị C, thu giữ trên người Giàng Thị C số tiền 4.900.000 đồng; tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Giàng Thị C tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, phát hiện thu giữ 04 gói Heroine có tổng khối lượng là 1,9 gam và số tiền 1.050.000 đồng.

- Đối với bị cáo T1: Ngày 06-9-2024 tại nhà bị cáo T1, địa chỉ thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Bị cáo T1 đã có hành vi tàng trữ trái phép 6,7 gam Heroine và đã cùng với Giàng Thị C bán 4,8 gam Heroine cho Giàng A D với giá 1.500.000 đồng thì bị phát hiện. Với hành vi tàng trữ trái phép 6,7 gam Heroine mục đích để sử dụng và bán kiếm lời của T1 đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

- Đối với Giàng Thị C: Ngày 06-9-2024 tại nhà T1 và Giàng Thị C, địa chỉ thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái. Giàng A D hỏi Giàng Thị C mua Heroine, thì C bảo D là chờ Hờ A T1 về hỏi xem có không, bị cáo C sau đó đã nói lại cho bị cáo Hờ A T1 về việc Giàng A D hỏi mua 1.500.000 đồng Heroine, khi bị cáo T1 lấy 03 gói Heroine có khối lượng là 4,8 gam để trên nắp hòm gỗ bán cho D thì C có biết vì lúc này C đang ngồi ở giường ngủ; C còn giúp Giàng A D lấy sợi chỉ màu đen buộc 03 gói Heroine vừa mua được, cất giấu tiền do T1 bán ma túy có được. Vì vậy, hành vi của Giàng Thị C đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự với khối lượng là 4,8 gam Heroine.

- Đối với Giàng A D: Ngày 06-9-2024 tại thôn T, xã X, huyện T, tỉnh Yên Bái, bị cáo Giàng A D đã có hành vi mua 4,8 gam Heroine mục đích để sử dụng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang. Hành vi tàng trữ trái phép 4,8 gam Heroine của bị cáo Giàng A D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố: Hờ A T1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Giàng Thị C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; Giàng A D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Về đồng phạm: Giữa Hờ A T1 và Giàng Thị C không có sự câu kết chặt chẽ trong việc thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, nên đây là trường hợp đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo T1 người chủ động, tích cực trong việc thực hiện tội phạm, trực tiếp mua Heroine, chia thành các gói nhỏ cất giấu ở các vị trí khác nhau, trực tiếp trao đổi bán Heroine, nhận tiền bán ma túy sau đó đưa cho bị cáo C nên bị cáo là người có vai trò chính và phải chịu trách nhiệm hình sự đối với toàn bộ số khối lượng Heroine đã bán và tàng trữ là 6,7 gam.

Bị cáo Giàng Thị C là người bị động trong việc thực hiện tội phạm, bị cáo được T1 cho biết đã mua Heroine về để sử dụng và bán kiếm lời, không biết khối lượng Heroine Hờ A T1 mua là bao nhiêu và không biết việc T1 chia nhỏ số Heroine cất giấu ở nhiều nơi khác, bị cáo nói lại cho T1 biết về việc D hỏi mua Heroine, chứng kiến việc T1 lấy 4,8 gam Heroine bán cho Giàng A D, giúp D lấy sợi chỉ đen buộc 03 Heroine và trực tiếp cất giấu tiền khi T1 bán Heroine có được; bị cáo C không biết 1,9 gam Heroine cất giấu sau đó bị Công an thu giữ. Do đó, trong việc tham gia thực hiện tội phạm bị cáo C thực hiện với vai trò giúp sức và phải chịu trách nhiệm hình sự cùng bị cáo T1 với khối lượng 4,8 gam Heroine đã

bán cho Giàng A D.

[5] Các bị cáo Hờ A T1, Giàng Thị C, Giàng A D là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Các bị cáo nhận thức rõ việc mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật hình sự, nhưng vẫn cố ý thực hiện nhằm mục đích vụ lợi, thu lời bất chính và thỏa mãn nhu cầu nghiện ma túy của bản thân.

[6] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy của các bị cáo Hờ A T1, Giàng Thị C, Giàng A D đã xâm phạm trực tiếp đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma ý; làm ảnh hưởng đến sức khỏe con người, lan tràn tệ nạn nghiện chất ma ý và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác, xâm hại trật tự an toàn xã hội.

[7] Xét nhân thân: Năm 2018 bị cáo Hờ A T1 bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc, bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy có trong danh sách quản lý của Công an xã X; bị cáo Giàng Thị C là phụ nữ, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; Năm 2019 bị cáo Giàng A D bị Công an huyện T, tỉnh Yên Bái xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo có một tiền án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, là đối tượng nghiện chất ma túy.

[8] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo T1, Giàng Thị C không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Giàng A D có 01 tiền án về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nhưng lại phạm tội do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Người bào chữa còn đề nghị cho bị cáo Giàng A D được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án” theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa không có tài liệu, chứng cứ nào cho thấy bị cáo D tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án; việc bị cáo khai ra đã mua ma túy của Hờ A T1, Giàng Thị C nên bị cáo đã được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bản kết luận điều tra đề nghị truy tố số 32/BKL-CQĐT ngày 23-12-2024 của Cơ quan điều tra Công an huyện T không đề nghị cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, đề nghị nêu trên của người bào chữa không có căn cứ chấp nhận.

[9] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù trong đó xử phạt bị cáo Hờ A T1, bị cáo Giàng A D ở mức cao theo đề nghị của Viện kiểm sát, xử phạt bị cáo Giàng Thị C trên mức thấp theo đề nghị của Viện kiểm sát, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa xét thấy các bị cáo nghề nghiệp làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, gia đình thuộc diện hộ nghèo. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Về vật chứng và tài sản tạm giữ trong vụ án:

- Đối với 4,8 gam Heroine thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Giàng A D và 1,9 gam Heroine thu giữ khi khám xét nhà bị cáo T1, Giàng Thị C. Phòng K1 Công an tỉnh Y đã lấy 0,28 gam Heroine làm mẫu vật giám định, số Heroine còn lại là 6,42 gam được niêm phong vào một phong bì do Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Y phát hành. Đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền 4.900.000 đồng thu giữ của bị cáo Giàng Thị C, trong số tiền này có 1.500.000 đồng là bị cáo Hờ A T1, Giàng Thị C bán ma túy vào ngày 06-9-2024 có được, đây là số tiền các bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại là 3.400.000 đồng là tiền hợp pháp của bị cáo C không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo C số tiền này.

- Đối với số tiền 1.050.000 đồng thu giữ khi khám xét chỗ ở của bị cáo Giàng Thị C. Số tiền này là tiền của Hờ A Đ được nhà trường chi trả chế độ học bổng nội trú, không liên quan gì đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho Hờ A Đ số tiền này.

- Đối với số tiền 1.625.000 đồng thu giữ khi bắt quả tang bị cáo Giàng A D, số tiền này là do gia đình bị cáo bán thóc, ngô có được, không liên quan đến hành vi phạm tội, tại phiên tòa bị cáo D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại số tiền cho vợ bị cáo là Sùng Thị T. Xét thấy cần trả lại cho chị Sùng Thị T số tiền 1.625.000 đồng.

- Đối với: 01 hộp nhựa màu xanh, 01 túi vải màu đen có dây đeo, 01 ví giả da màu đen. Đây là những vật các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, xét thấy những vật này không có giá trị hoặc không sử dụng được cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 06 vỏ phong bì sau khi đã mở niêm phong, là những vật này không có giá trị hoặc không sử dụng được cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng màu đen, nhãn hiệu Vivo, đã cũ và 01 xe máy màu sơn đen, biển số 21K1-573.61, xe đã cũ, đã qua sử dụng. Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp Sùng Thị T là phù hợp.

[12] Các đối tượng và hành vi có liên quan:

Đối với người đàn ông dân tộc Mông đã bán Heroine cho Hờ A T1 tại đoạn đường rẽ lên trường mầm non H3 thuộc thôn T, xã X, huyện T tối ngày 05-9-2024. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra không xác minh được nhân thân, lai lịch của người này nên không có căn cứ để xem xét, xử lý trong vụ án.

[13] Về án phí: Các bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, tại phiên tòa các bị cáo, Kiểm sát viên, người bào chữa đề nghị Hội đồng xem xét miễn án phí cho các bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[14] Về quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố các bị cáo Hờ A T1, Giàng Thị C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Tuyên bố bị cáo Giàng A D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Căn cứ điểm i khoản 2 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Hờ A T1 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 07-9-2024.

- Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng Thị C 05 (năm) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 07-9-2024.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Giàng A D 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, là ngày 07-9-2024.

3. Về vật chứng và tài sản tạm giữ của vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu và tiêu hủy: 6,42 gam Heroine được niêm phong vào 01 phong bì do Phòng K1 Công an tỉnh Y phát hành; 01 hộp nhựa màu xanh; 01 túi vải màu đen có dây đeo; 01 ví giả da màu đen; 06 vỏ phong bì sau khi đã mở niêm phong.

- Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 1.500.000 đồng; trả lại bị cáo Giàng Thị C số tiền 3.400.000 đồng; trả lại người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hồ A Đ số tiền 1.050.000 đồng; trả lại người quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng Thị T số tiền 1.625.000 đồng. Số tiền tịch thu và số tiền trả lại được niêm phong trong 03 phong bì do Phòng K1 Công an tỉnh Y phát hành.

Các vật chứng và tài sản tạm giữ có đặc điểm được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11-02-2025 giữa Cơ quan Công an huyện T và Chi cục thi hành án dân sự huyện Trạm Tấu.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Hồ A T1, Giàng Thị C, Giàng A D được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày yên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày yên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trạm Tấu;
- Công an tỉnh Yên Bái;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Yên Bái;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa cho các bị cáo;
- Người có QLVN liên quan;
- Lưu hs, TA, THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Lên